

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần;

2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: đường 24, tổ 6, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Yên Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: đường 24, tổ 6, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Yên Văn T được hai bên gia đình mai mối, tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng nửa tháng thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thành phố Thanh Hoá), tỉnh Thanh Hoá vào năm 2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại thị xã T, tỉnh Bình Dương đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ khi kết hôn, nguyên nhân do bà Phạm Thị H không

có tình cảm với ông Yên Văn T. Trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T thường xuyên uống rượu, đánh bà H. Vì các con còn nhỏ nên bà H đã cố chịu đựng để duy trì mối quan hệ vợ chồng. Vào năm 2022, bà H đã nộp đơn ly hôn tại Toà án nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để cho ông T cơ hội thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục đánh bà H. Nay các con đã lớn, bà H xác định không thể tiếp tục chịu đựng, không còn muốn chung sống với ông T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung, cháu Yên Văn T, sinh ngày 14/9/2007 và cháu Yên Văn M, sinh ngày 15/4/2014. Sau khi ly hôn bà Phạm Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Yên Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của bà Phạm Thị H về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông T xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T thường xuyên uống rượu và có đánh bà H một vài lần. Mâu thuẫn kéo dài nhưng không được khắc phục. Ông T xác định vợ chồng đã lớn tuổi nên vẫn muốn chung sống cùng bà H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà Phạm Thị H, quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung, cháu Yên Văn T, sinh ngày 14/9/2007 và cháu Yên Văn M, sinh ngày 15/4/2014. Ông T không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Phạm Thị H và ông Yên Văn T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Yên Văn T. Ông Yên Văn T cư trú tại đường 24, tổ 6, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Yên Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thành phố Thanh Hoá), tỉnh Thanh Hoá vào năm 2005, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2005 ngày 22/02/2005 nên quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị H và ông Yên Văn T là hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn kéo dài nhưng không có giải pháp để hàn gắn, hoà giải mâu thuẫn. Ông T xác định muốn đoàn tụ với bà H nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc bà H không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với ông T.

Xét, để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Bà H và ông T là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, hai vợ chồng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung, cháu Yên Văn T, sinh ngày 14/9/2007 và cháu Yên Văn M, sinh ngày 15/4/2014. Bà Phạm Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, ông T không đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con chung. Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H xuất phát từ việc ông T thường xuyên say xỉn, đánh đập bà H và tại bản tự khai hai cháu Yên Văn T và Yên Văn M xác định muốn sống chung với bà H. Qua đó thấy rằng việc giao con chung cho bà H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo môi trường phát triển lành mạnh cho hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị H không yêu cầu ông Yên Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Yên Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thành phố Thanh Hoá), tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 22/02/2005).

2. Về con chung: Ông Yên Văn T giao hai con chung, cháu Yên Văn T, sinh ngày 14/9/2007 và cháu Yên Văn M, sinh ngày 15/4/2014 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Phạm Thị H và ông Yên Văn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phạm Thị H và ông Yên Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007439 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Tân Uyên,

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Nguyễn Ngọc Quyết